

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 11 đến 20/6/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 10 ngày qua, trên sông Thao từ ngày 8 -10/6 đã xuất hiện 01 lũ với biên độ nước lên từ 1,5m-3m, đỉnh lũ tại trạm Yên Bái và Phú Thọ ở mức dưới báo động(BĐ) 1.

- Sông Lô: Trong 10 ngày qua, mực nước trên các trạm chính dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình phổ biến dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên và ảnh hưởng của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

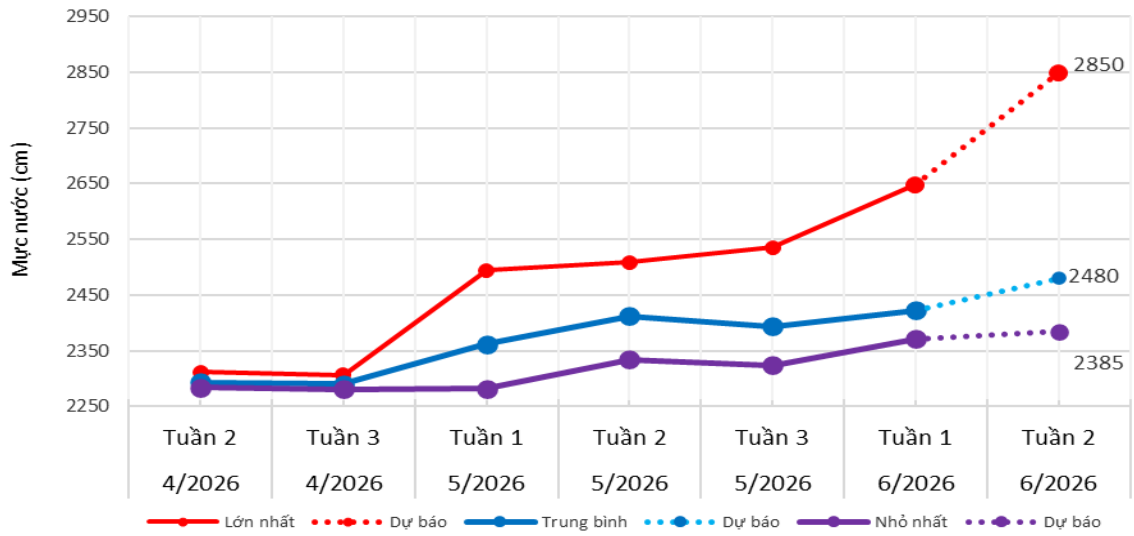
- Sông Thao: Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước sẽ biến đổi chậm trong thời kỳ đầu, sau có khả năng xuất hiện 01 đợt lũ vào những ngày cuối thời kỳ.

- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

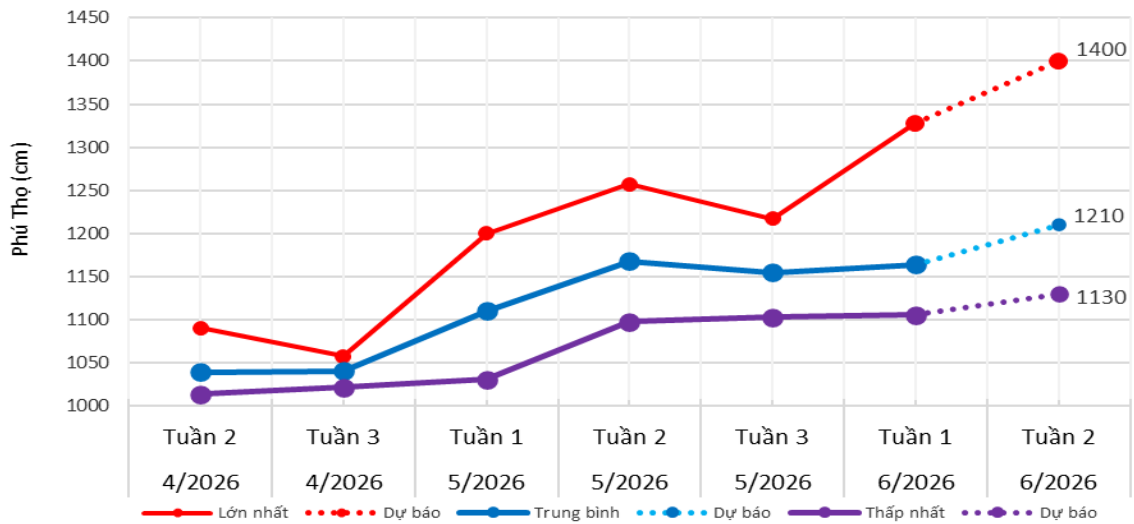
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La và ảnh hưởng mưa trên lưu vực.

- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục dao động theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên và ảnh hưởng của thủy triều.

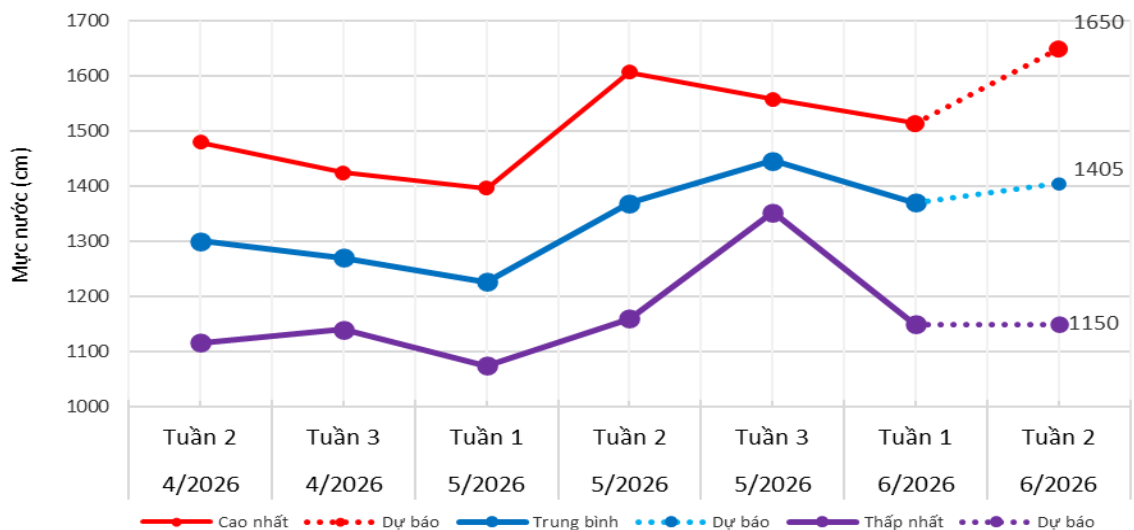
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



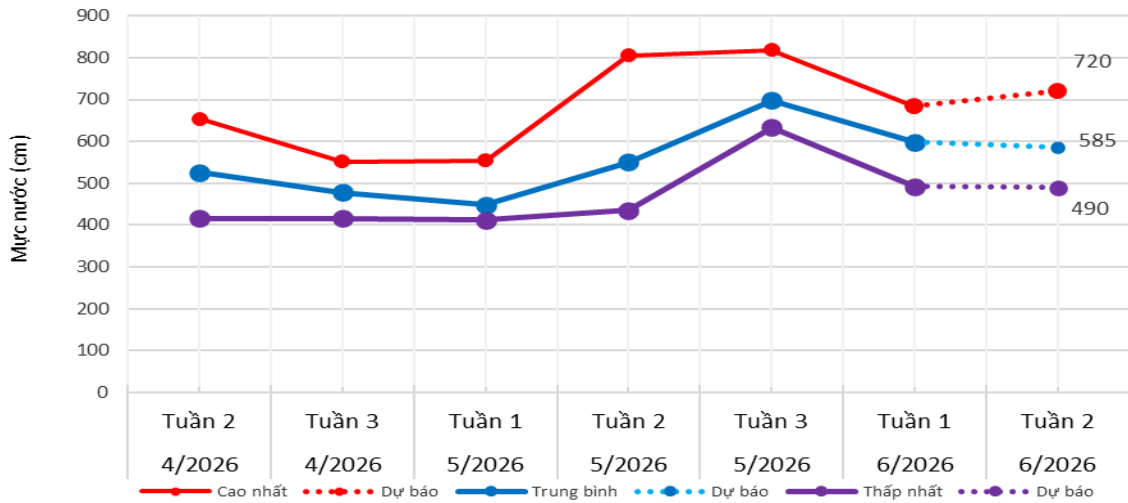
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)



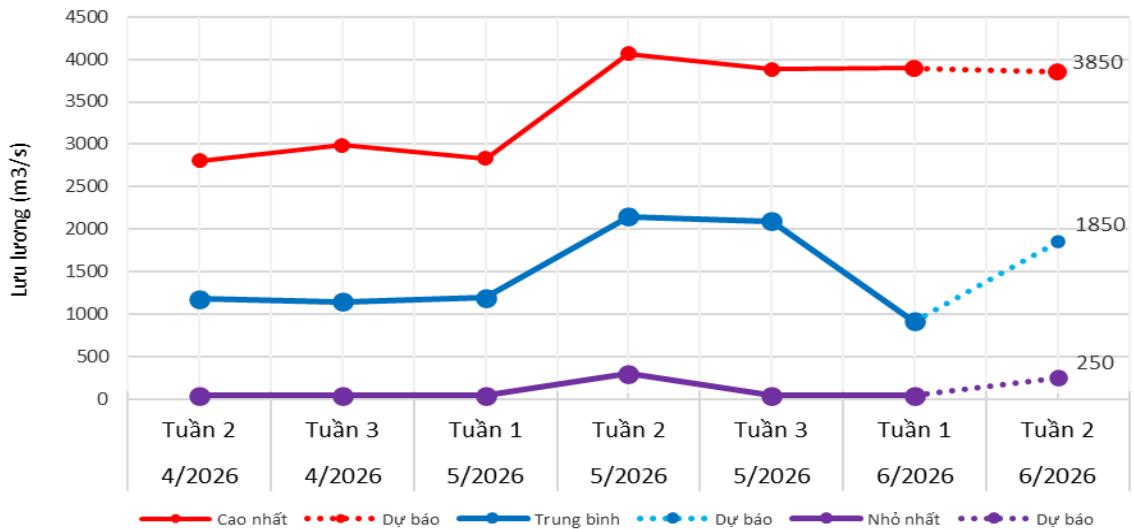
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



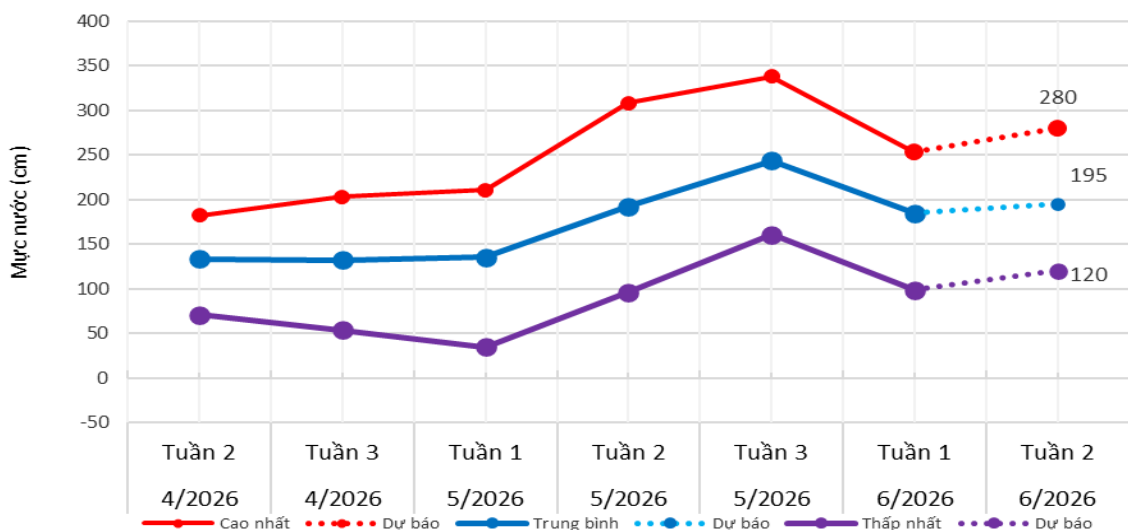
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỊ QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN ĐẾN HỒ HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)



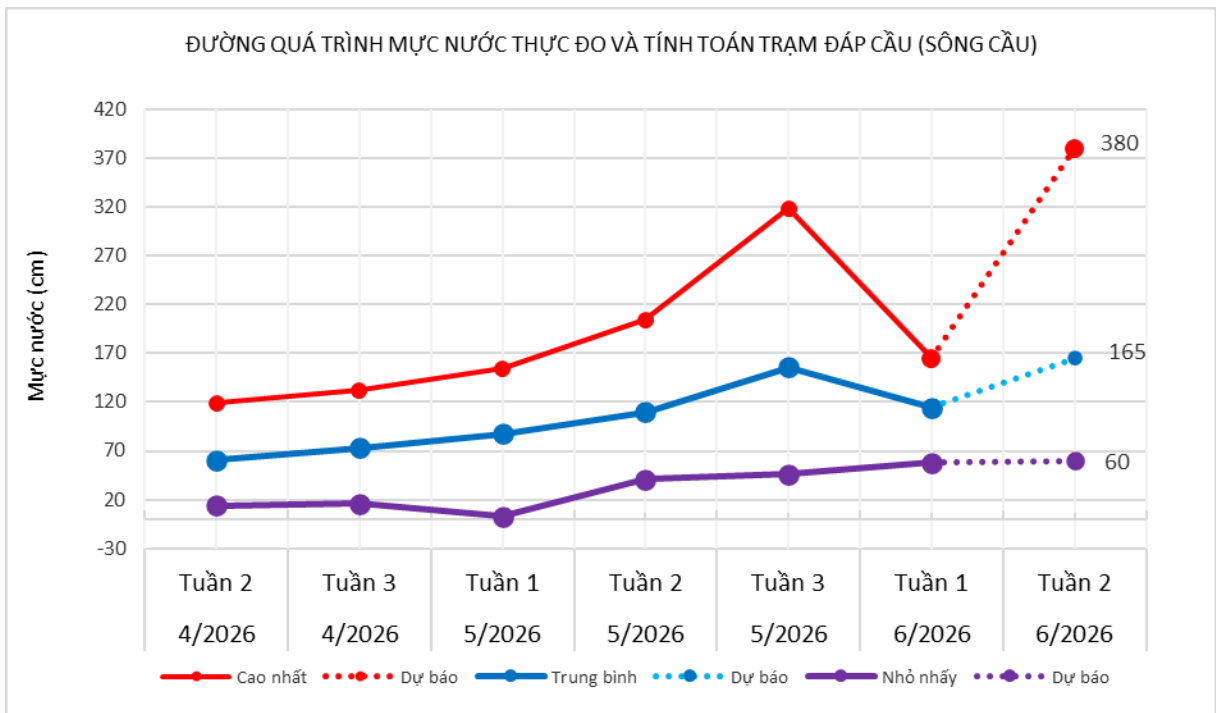
2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

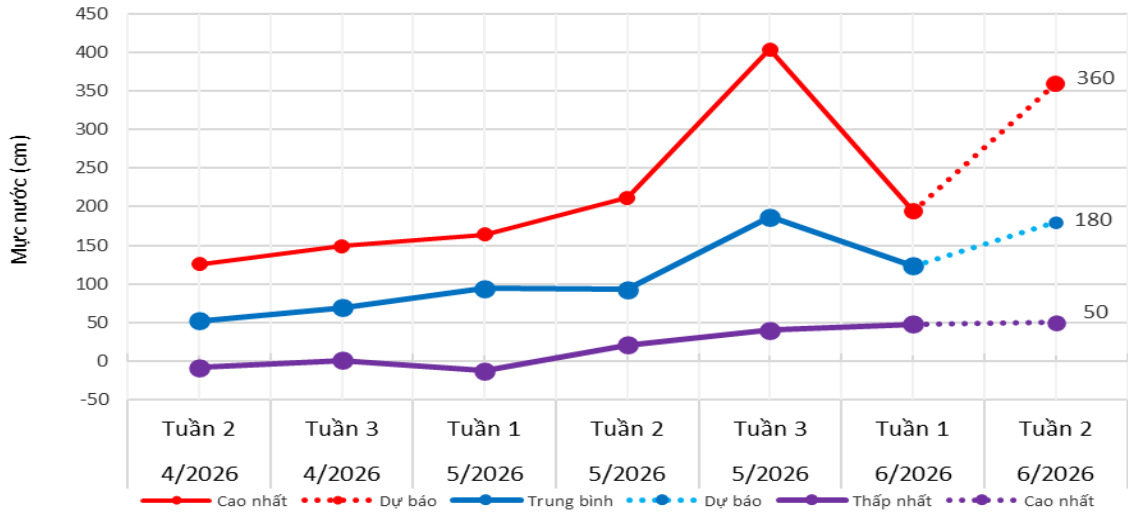
Từ ngày 5-6/6/2026, trên trung lưu sông Cầu, sông Thương đã xuất hiện một đợt lũ nhỏ, đỉnh lũ tại các trạm chính ở dưới mức BĐ 1, riêng tại trạm Cầu Sơn ở trên mức BĐ1. Trong thời kỳ còn lại, mực nước tại các trạm chính trên thượng lưu hệ thống sông Thái Bình có xu thế ít biến đổi; hạ lưu dao động theo ảnh hưởng của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

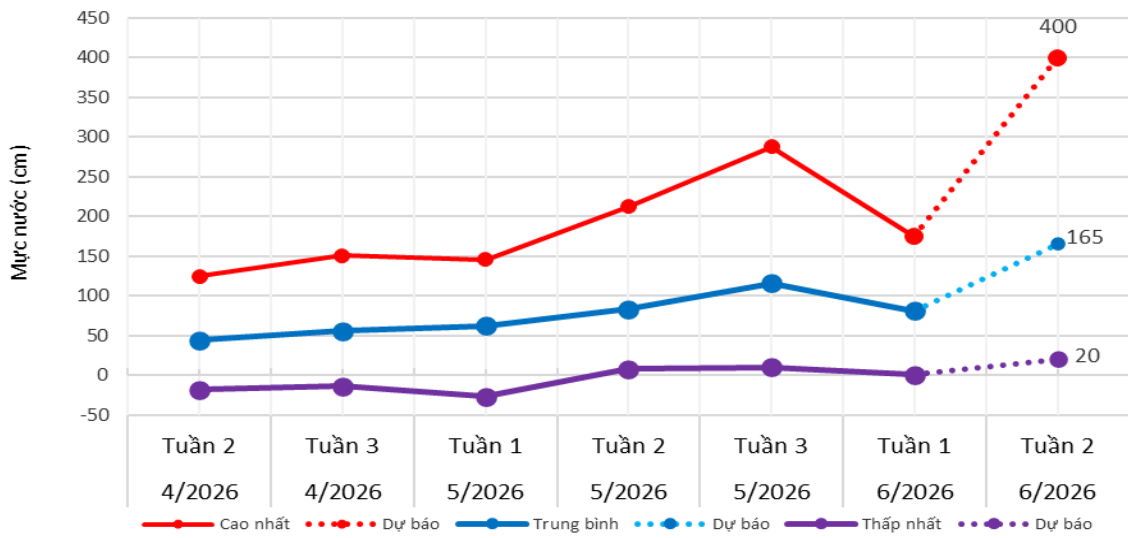
Trong 10 ngày tới, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều trong đầu thời kỳ, sau có khả năng xuất hiện một đợt lũ vào những ngày cuối thời kỳ.



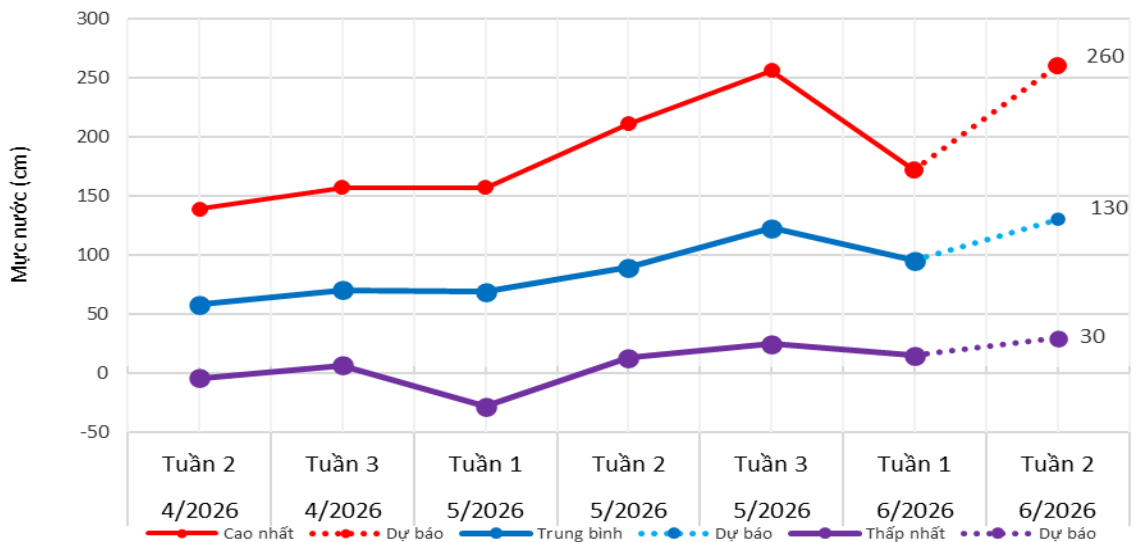
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHỦ LẠNG THƯƠNG (THƯƠNG)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LỤC NAM (LỤC NAM)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHẢ LẠI (THÁI BÌNH)



3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

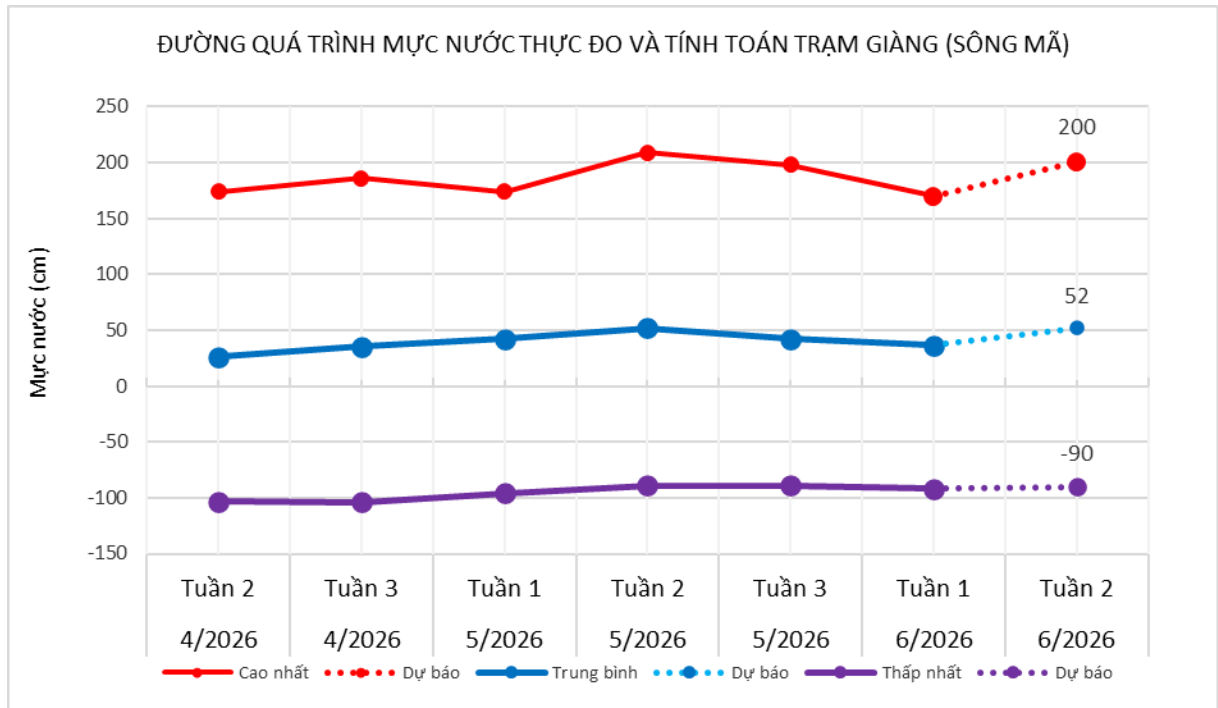
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

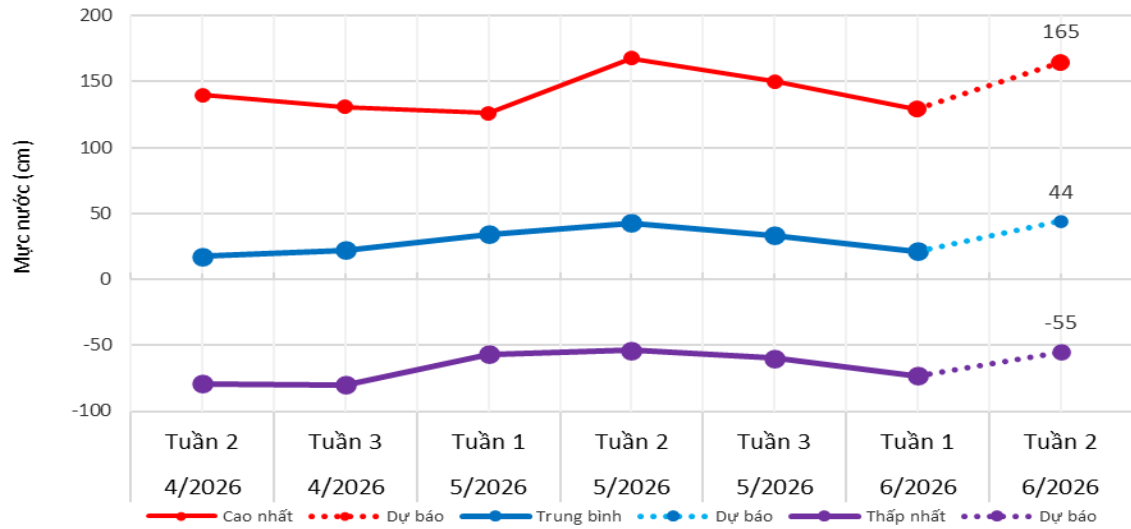
b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 10 ngày tới, thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.

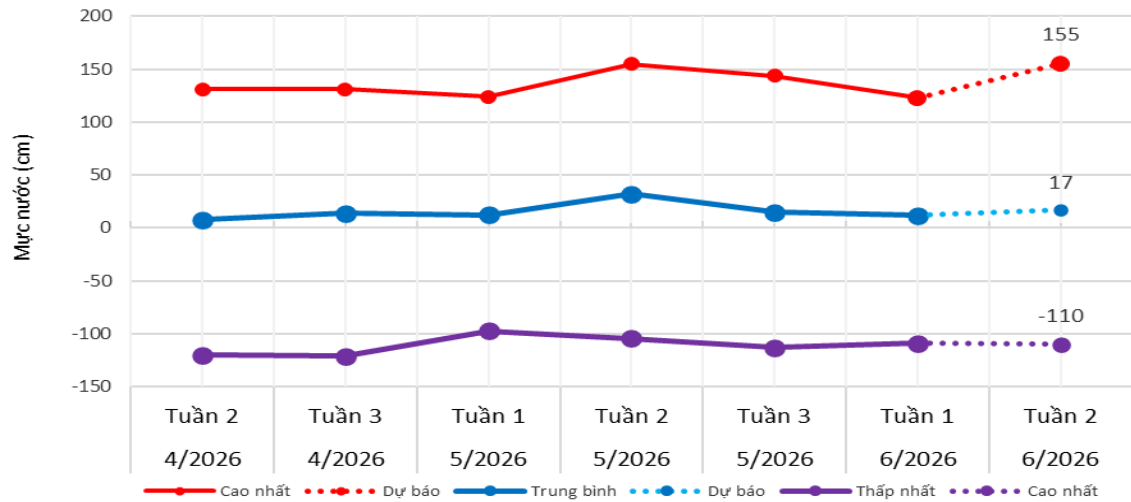
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.



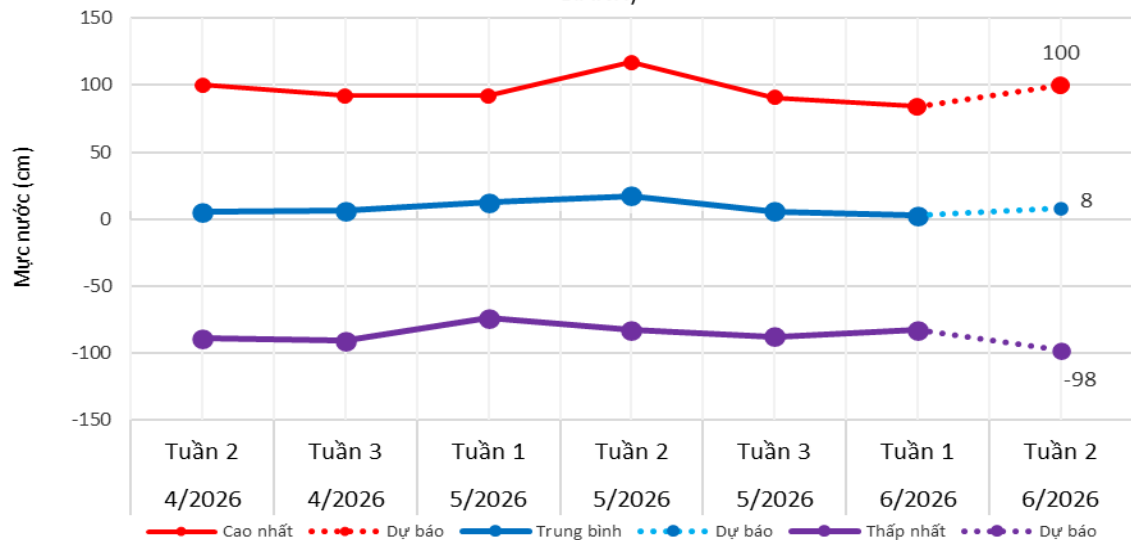
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CẢ)

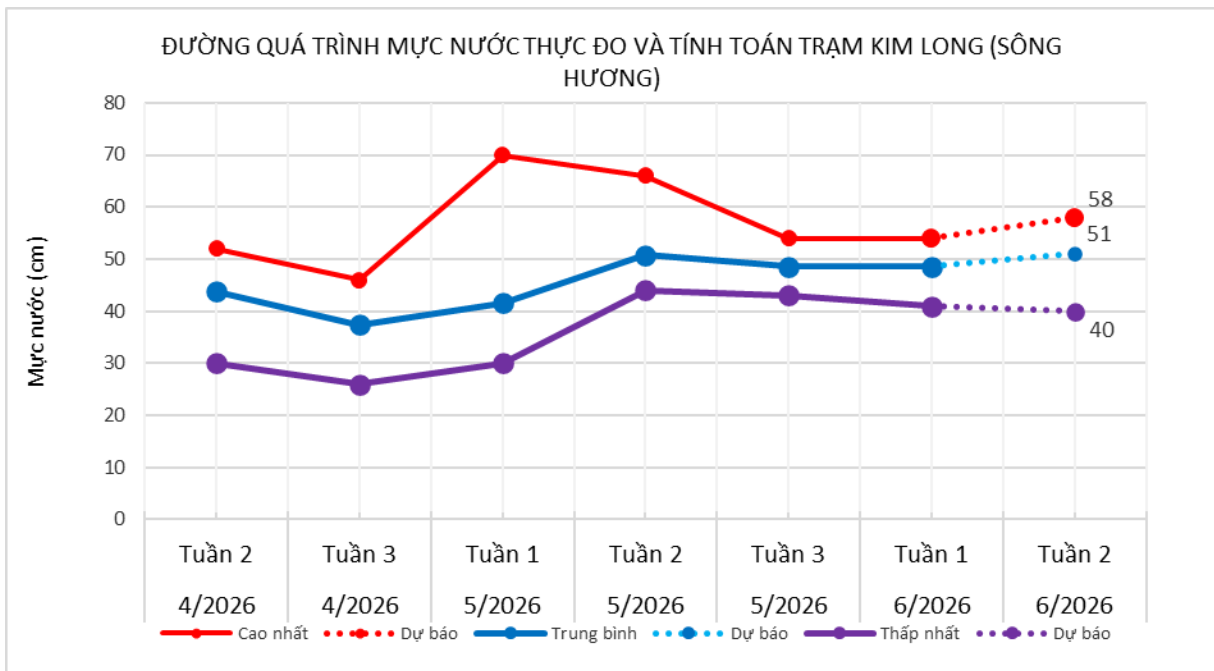


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)





4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ TP Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.

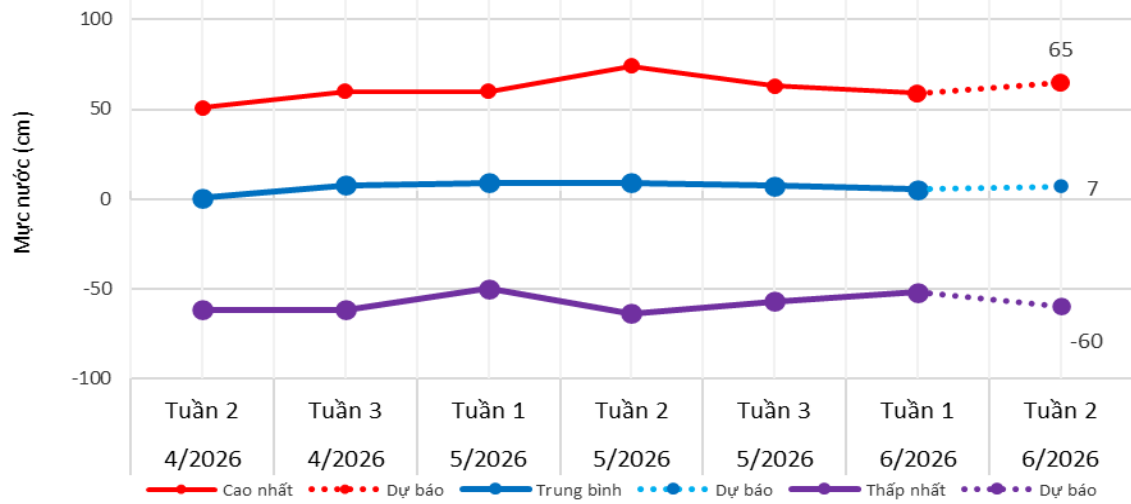
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Mực nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

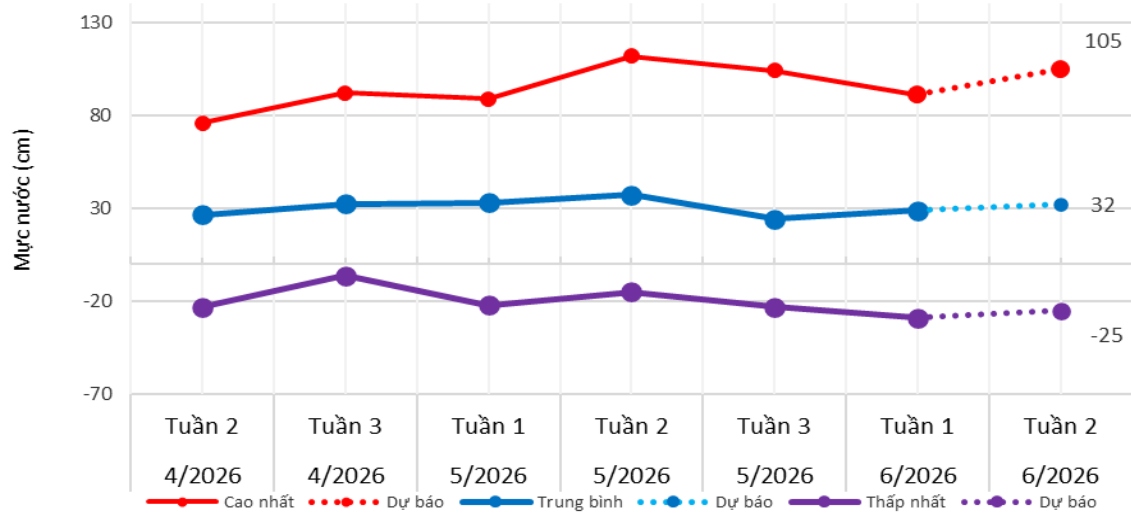
- Các sông từ TP Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.

- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Mực nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

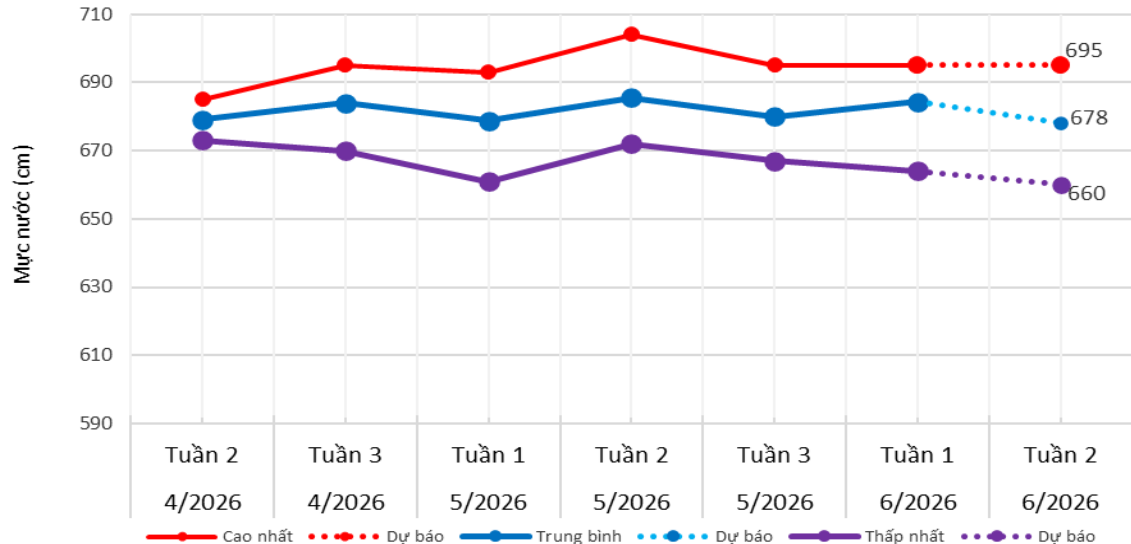
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM CẦU LÂU (SÔNG THU BỒN)

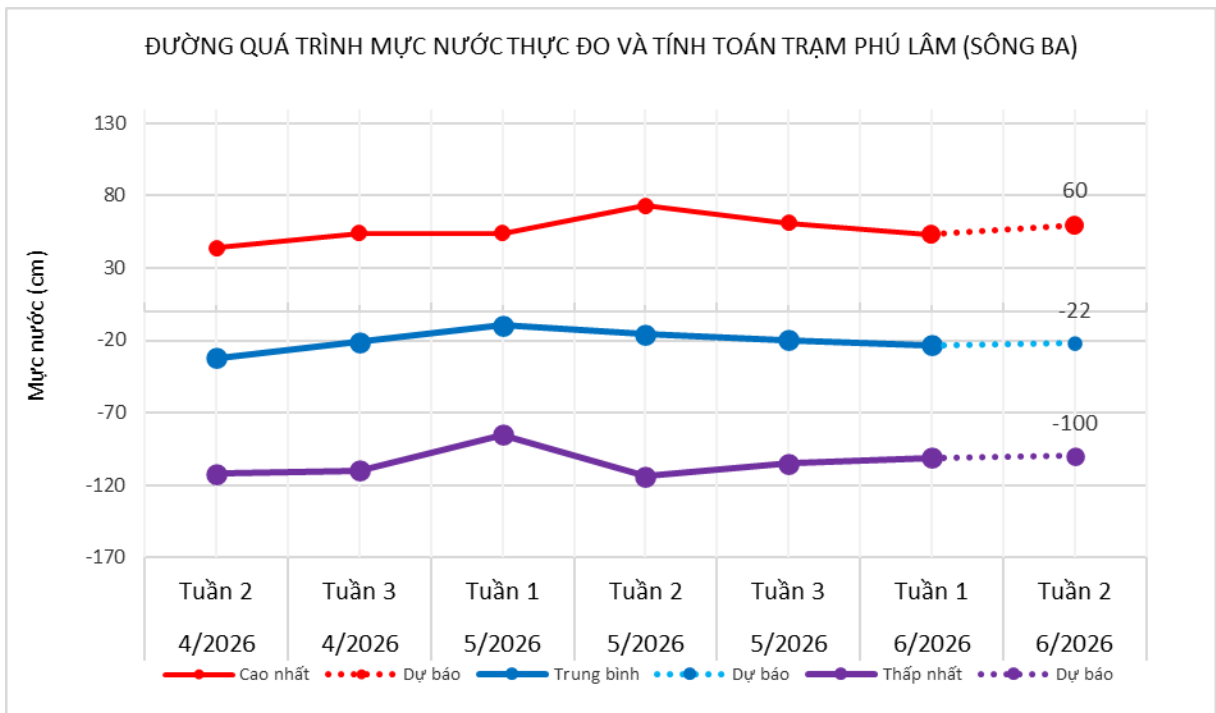


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TRÀ KHÚC (SÔNG TRÀ KHÚC)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM THANH HÒA (SÔNG KỖN)





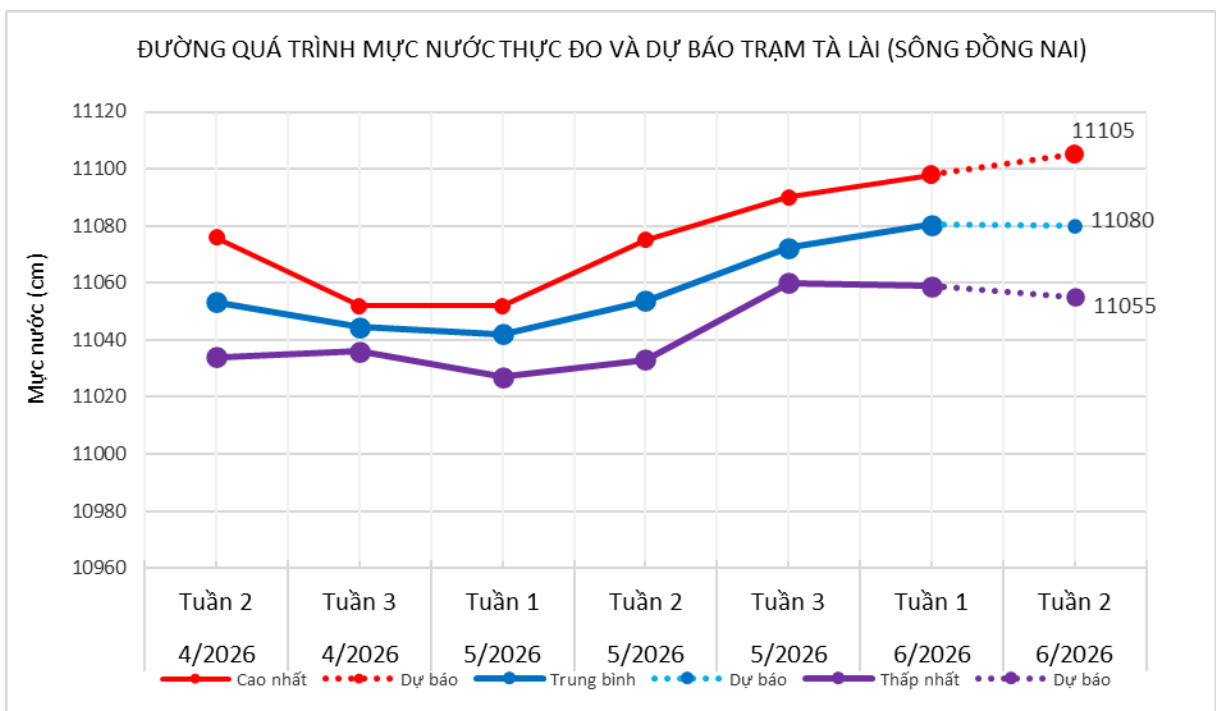
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

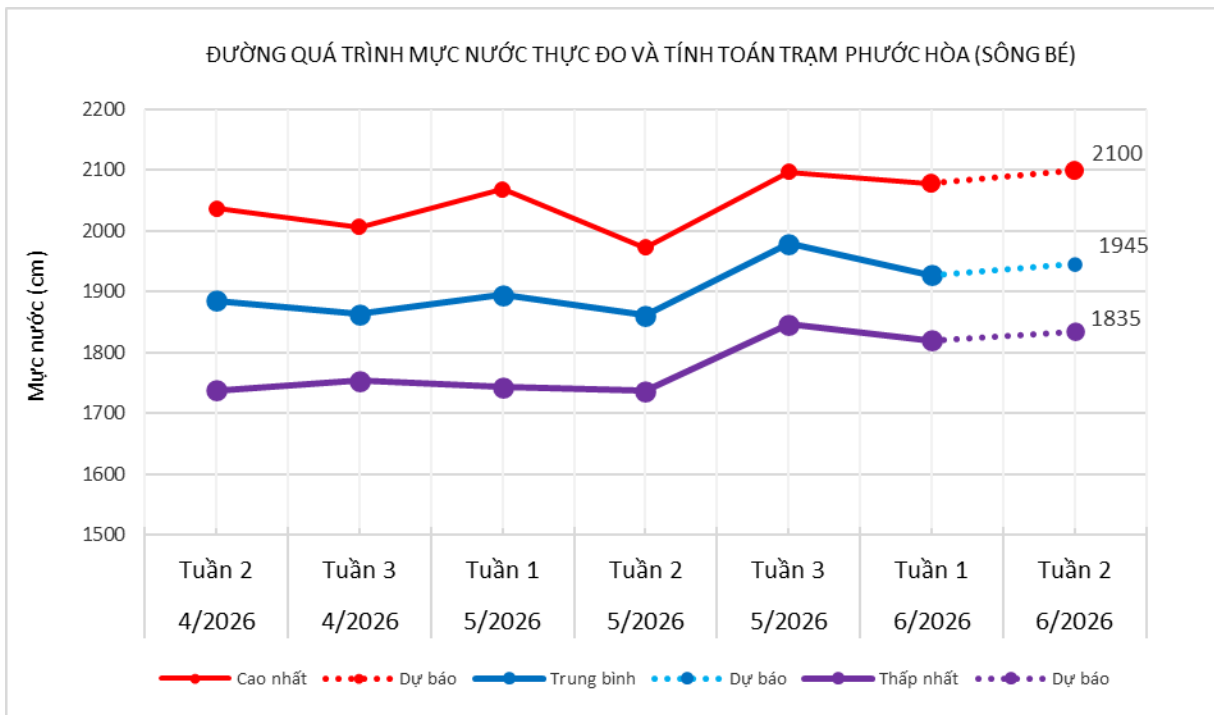
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài và trên sông Bé tại trạm Phước Hòa dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài và trên sông Bé tại trạm Phước Hòa sẽ tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.





6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, mức nước các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi.

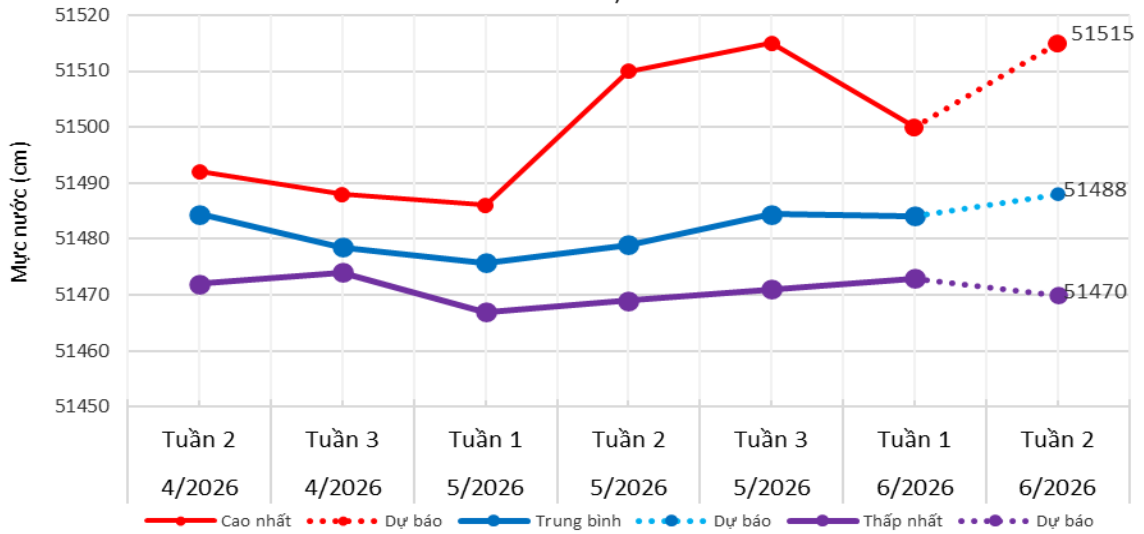
- Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo thủy triều. Mức nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 1,16m (ngày 02/6), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,37m (ngày 02/6).

b. Dự báo, cảnh báo

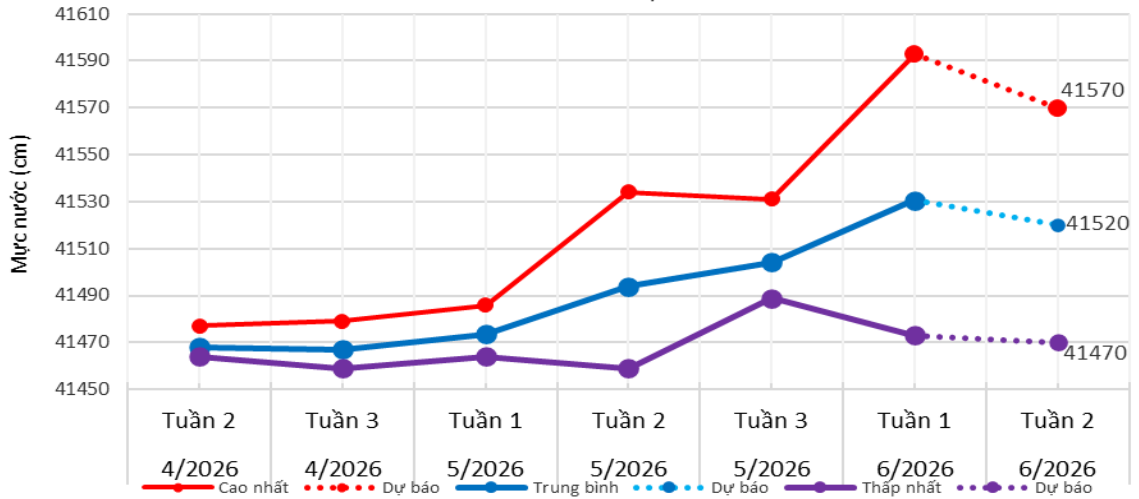
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện. Mức nước trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn biến đổi chậm theo xu thế lên.

- Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Trong 10 ngày tới, mức nước cao nhất tại Tân Châu ở mức 1,4m, tại Châu Đốc ở mức 1,5m. Trong 05 ngày tiếp theo, mức nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều.

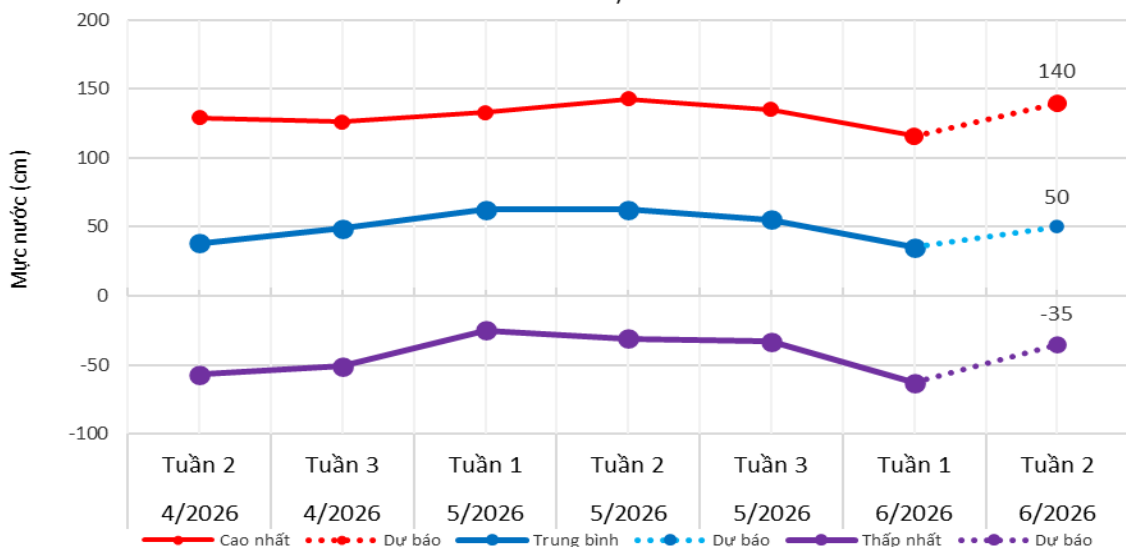
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM KON TUM (SÔNG SÊ SAN)

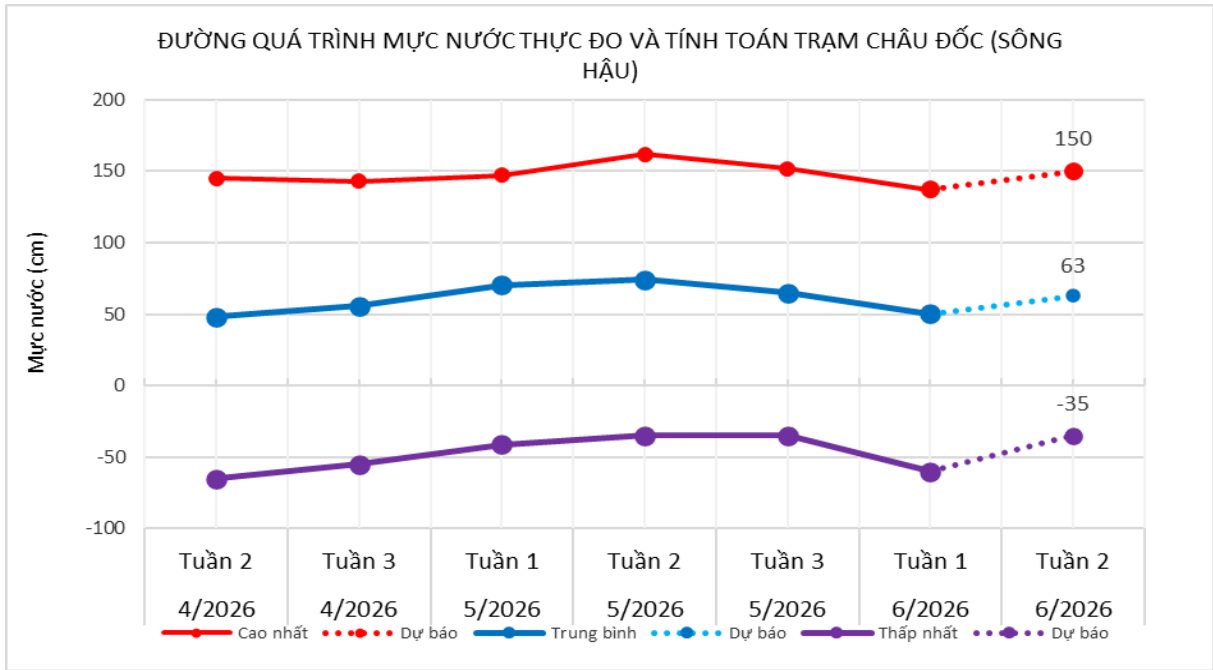


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIANG SƠN (SÔNG SRÊPỐC)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TÂN CHÂU (SÔNG TIỀN)





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/06/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	1042	3898	40	2000	3600	250	1700	3850	260	1850	3850	250
Thao	Yên Bái	2435	2648	2371	2430	2570	2385	2530	2850	2390	2480	2850	2385
Thao	Phú Thọ	1171	1328	1106	1190	1320	1130	1230	1400	1150	1210	1400	1130
Lô	Tuyên Quang	1374	1514	1150	1360	1520	1150	1450	1650	1200	1405	1650	1150
Lô	Vụ Quang	596	694	492	560	650	490	610	720	520	585	720	490
Cầu	Đáp Cầu	114	165	58	130	220	60	200	380	70	165	380	60
Thương	Phủ Lạng Thương	124	195	48	150	240	50	210	360	55	180	360	50
Lục Nam	Lục Nam	81	175	1	110	200	20	220	400	50	165	400	20
Hồng	Hà Nội	184	253	99	180	240	120	210	280	130	195	280	120
Thái Bình	Phả Lại	95	172	15	110	185	30	150	260	40	130	260	30
Mã	Giàng	37	170	-92	55	200	-90	49	195	-80	52	200	-90
Cả	Nam Đàn	21	129	-73	46	165	-55	42	160	-55	44	165	-55
La	Linh cảm	12	123	-109	18	155	-105	16	150	-110	17	155	-110
Gianh	Mai Hóa	2	84	-83	10	100	-98	5	75	-75	8	100	-98
Hương	Kim Long	49	54	41	50	58	42	52	55	40	51	58	40

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Thu Bồn	Câu Lâu	5	59	-52	7	65	-60	6	60	-55	7	65	-60
Trà Khúc	Trà Khúc	29	91	-29	38	105	-25	25	95	-18	32	105	-25
Kôn	Thạnh Hòa	684	695	664	680	695	665	675	695	660	678	695	660
Đà Rằng	Phú Lâm	-23	53	-101	-21	40	-80	-23	60	-100	-22	60	-100
Đăkbla	Kon Tum	51484	51500	51473	51485	51505	51470	51490	51515	51475	51488	51515	51470
Krông Ana	Giang Sơn	41531	41593	41473	41530	41570	41475	41510	41550	41470	41520	41570	41470
Đồng Nai	Tà Lài	11081	11098	11059	11075	11090	11055	11085	11105	11060	11080	11105	11055
Bé	Phước Hòa	1927	2078	1820	1930	2040	1840	1960	2100	1835	1945	2100	1835
Tiền	Tân Châu	35	116	-63	48	135	-30	52	140	-35	50	140	-35
Hậu	Châu Đốc	50	137	-60	60	145	-30	65	150	-35	63	150	-35